

Bản án số: 25/2017/HNGĐ-ST

Ngày: 25-8-2017

V/v tranh chấp về ly hôn và nuôi con

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN TÂN YÊN – TỈNH BẮC GIANG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Lê Thị Ngọc Lý

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Nguyễn Quốc Sửu
Ông Giáp Đình Giang

- Thư ký phiên tòa:

Ông Phạm Văn Nam

Thư ký Tòa án nhân dân huyện Tân Yên, tỉnh Bắc Giang;

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Tân Yên tham gia phiên tòa:

Bà Nguyễn Thị Bộ - Kiểm sát viên

Trong các ngày 26 tháng 7 và ngày 25 tháng 8 năm 2017, tại Hội trường xét xử Tòa án nhân dân huyện Tân Yên tiến hành xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 238/2016/TLST-HNGĐ ngày 07 tháng 11 năm 2016 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 84/2017/QĐXXST-HNGĐ ngày 12 tháng 7 năm 2017 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Anh Vũ Văn T, sinh năm 1984 (có mặt)

Địa chỉ: số nhà 07, ngõ 3, phố H, thị trấn C, huyện T, tỉnh Bắc Giang;

- Bị đơn: Chị Nguyễn Thị H, sinh năm 1984 (có mặt)

Địa chỉ: khu Đ, thị trấn C, huyện T, tỉnh Bắc Giang;

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện nhận ngày 28/10/2016 và các bản tự khai, biên bản lấy lời khai tiếp theo thì nguyên đơn là anh Vũ Văn T trình bày:

Anh kết hôn với chị Nguyễn Thị H ngày 06 tháng 01 năm 2015, có đăng ký kết hôn tại UBND thị trấn C, huyện T, tỉnh Bắc Giang. Sau khi kết hôn chị H về gia đình anh làm dâu ngay. Tình cảm vợ chồng bình thường được khoảng 01 tháng

thì xảy ra mâu thuẫn, anh đã đưa chị H về ở nhà bố mẹ đẻ. Vợ chồng đã ly thân từ ngày 01/3/2015 đến nay không còn quan tâm và cũng không có trách nhiệm với nhau. Thấy tình cảm vợ chồng không còn, mục đích hôn nhân không đạt được nên anh yêu cầu được ly hôn với chị H.

Về con chung: trong thời kỳ hôn nhân, chị H có sinh 01 con là Nguyễn Quang S, sinh ngày 24/10/2015. Hiện cháu S đang ở với chị H. Anh đề nghị trung cầu giám định ADN để xác định cháu Nguyễn Quang S có phải là con chung của anh và chị H hay không? nếu cháu S là con của anh thì anh đồng ý để chị H tiếp tục nuôi dưỡng con chung. Anh không đồng ý cấp dưỡng nuôi con chung theo yêu cầu của chị H mà chỉ đồng ý cấp dưỡng nuôi con chung mức 500.000 (năm trăm nghìn) đồng/tháng.

Về tài sản chung, nghĩa vụ chung và quyền chung về tài sản, ruộng canh tác: anh không yêu cầu xem xét giải quyết;

Tại phiên toà: anh T giữ nguyên yêu cầu ly hôn và đồng ý để chị H tiếp tục nuôi dưỡng con chung, anh cấp dưỡng nuôi con với mức 500.000 (năm trăm nghìn) đồng/tháng. Nếu chị H đổi lại họ Vũ cho con chung thì anh đồng ý cấp dưỡng 1.000.000 đồng/ tháng cho con chung đến khi con chung đủ 18 tuổi.

Tại bản tự khai ngày 07/11/2016 và các biên bản ghi lời khai tiếp theo thì bị đơn là chị Nguyễn Thị H trình bày:

Chị kết hôn với anh Vũ Văn T ngày 06/01/2015 có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân thị trấn C. Thời gian đầu vợ chồng chung sống hạnh phúc nhưng vì giữa chị và mẹ anh T có xảy ra mâu thuẫn nên chị đã về nhà bố mẹ đẻ ở, vợ chồng vẫn thường gặp nhau, vẫn quan tâm đến nhau cho đến sau khi chị sinh con thì anh T không còn thường xuyên quan tâm đến chị như trước. Anh T xin ly hôn, chị đồng ý thuận tình ly hôn với anh T;

Về con chung: chị và anh T có 01 con chung là Nguyễn Quang S, sinh ngày 24/10/2015. Chị xin được tiếp tục nuôi dưỡng con chung, yêu cầu anh T cấp dưỡng nuôi con chung với chị mức 4.000.000 đồng/ tháng;

Về tài sản chung, nghĩa vụ chung về tài sản: khi về ở nhà anh T, chị có mua chăn ga, gối đệm trị giá 7.000.000 đồng để vợ chồng sử dụng. Sau đó, chị có mua thêm tủ gỗ để đựng quần áo. Tổng trị giá khoảng gần 10.000.000 đồng. Chị còn nợ chị Nguyễn Ngọc H 10.000.000 đồng, nợ anh Nguyễn Đình H 80.000.000 đồng và nợ chị Nguyễn Thị Quế A 115.000.000 đồng. Các khoản nợ đều vay một phần để trang trải cuộc sống vợ chồng, một phần để trả nợ của cá nhân chị vay từ trước nhưng vì chưa có đủ điều kiện để làm đơn yêu cầu phân chia tài sản và nghĩa vụ trả nợ nên chị cũng đồng ý để khi nào có điều kiện thì chị sẽ khởi kiện đề nghị Tòa án xem xét giải quyết;

Tại phiên tòa: chị H đồng ý thuận tình ly hôn với anh T và giữ nguyên ý kiến được nuôi dưỡng con chung, yêu cầu anh T cấp dưỡng nuôi con chung với chị 2.000.000 đồng/ tháng đến khi con chung đủ 18 tuổi.

Kiểm sát viên đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Tân Yên phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, của Hội đồng xét xử và việc chấp hành pháp luật của người tham gia tố tụng dân sự là theo đúng diễn biến quá trình giải quyết vụ án.

Về nội dung: đề nghị xử công nhận thuận tình ly hôn giữa anh T với chị H và giao cho chị H tiếp tục nuôi dưỡng con chung là Nguyễn Quang S, sinh ngày 24/10/2015. Anh T có trách nhiệm cấp dưỡng nuôi con cùng chị H từ 1.000.000 đồng đến 1.500.000 đồng/ tháng. Buộc án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm và án phí cấp dưỡng nuôi con theo quy định.

NHẬN ĐỊNH CỦA TOÀ ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh tụng và ý kiến đề nghị của đương sự, Hội đồng xét xử thấy:

[1] Về thẩm quyền: ngày 07 tháng 11 năm 2016, Tòa án nhân dân huyện Tân Yên thụ lý vụ án theo đơn khởi kiện yêu cầu ly hôn và giải quyết về con chung của anh Vũ Văn T với bị đơn là chị Nguyễn Thị H có địa chỉ tại khu Đ, thị trấn C, huyện T, tỉnh Bắc Giang là theo đúng quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự;

[2] Về việc tạm ngừng phiên tòa: tại phiên tòa xét xử vụ án vào ngày 26/7/2017, chị H đề nghị tạm ngừng phiên tòa để thu thập chứng cứ hiện anh T đang làm việc tại công ty trách nhiệm hữu hạn ORION vi na. Xét thấy đề nghị của chị H là có căn cứ nên Hội đồng xét xử đã quyết định tạm ngừng phiên tòa theo Quyết định số 02//2017/QĐST- HNGĐ ngày 26/7/2017 và ấn định mở lại phiên tòa vào ngày 25 tháng 8 năm 2017 là phù hợp với quy định tại điểm c khoản 1 Điều 259 Bộ luật tố tụng dân sự;

[3] Về tài sản chung, nghĩa vụ chung về tài sản: do anh Vũ Văn T là nguyên đơn chỉ yêu cầu giải quyết quan hệ hôn nhân và nuôi dưỡng con chung, chị H là bị đơn chỉ trình bày đề nghị xem xét về tài sản chung, nghĩa vụ chung về tài sản nhưng không làm đơn yêu cầu và nộp tạm ứng án phí theo quy định. Những người cho nợ đã được giải thích về quyền yêu cầu độc lập nhưng không ai làm đơn yêu cầu độc lập và nộp tạm ứng án phí đối với yêu cầu độc lập nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét giải quyết đối với yêu cầu phân chia tài sản chung và nghĩa vụ chung về tài sản là theo đúng quy định tại khoản 1 Điều 5 Bộ luật tố tụng dân sự;

Về các yêu cầu của anh Vũ Văn T thấy:

[4] Về quan hệ hôn nhân: anh T và chị H kết hôn năm 2015 trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn theo Giấy chứng nhận kết hôn số 01/2015 ngày 06 tháng 01 năm 2015 tại UBND thị trấn C nên hôn nhân giữa anh T và chị H là hôn nhân hợp pháp phù hợp với quy định của pháp luật. Kể từ tháng 3/2015 đến nay, hai vợ chồng đã sống ly thân, anh T và chị H không còn quan tâm, chăm sóc và không có trách nhiệm với nhau. Nhận thấy tình cảm vợ chồng không còn, anh T

xin ly hôn được chị H đồng ý thuận tình ly hôn nên cần công nhận thuận tình ly hôn giữa anh T và chị H là phù hợp với quy định tại Điều 55 Luật hôn nhân và gia đình;

[5] Về con chung: tại kết quả xét nghiệm ADN ngày 08 tháng 7 năm 2017 của Trung tâm phân tích ADN và công nghệ di truyền đã khẳng định cháu Nguyễn Quang S là con của chị Nguyễn Thị H và anh Vũ Văn T. Do con chung chưa đủ 36 tháng tuổi và anh T cũng đồng ý để chị H tiếp tục nuôi dưỡng con chung nên cần giao cho chị H tiếp tục nuôi dưỡng con chung là phù hợp với quy định tại Điều 81, Điều 82 và Điều 83 Luật hôn nhân và gia đình.

[6] Về mức cấp dưỡng: chị H yêu cầu anh T cấp dưỡng nuôi con chung với chị mức 2.000.000 đồng/ tháng đến khi con chung đủ 18 tuổi nhưng anh T không đồng ý mà chỉ đồng ý cấp dưỡng mức 500.000 đồng/tháng. Xét yêu cầu cấp dưỡng của chị H, Hội đồng xét xử thấy căn cứ vào công việc và thu nhập thực tế hiện nay, anh T đang làm việc theo Hợp đồng lao động số 05/2017/HĐLĐ ngày 01 tháng 8 năm 2017 giữa anh T với công ty TNHH dịch vụ Thương Mại Tư Nga thì mức thu nhập của anh T khoảng 6.000.000 đồng/ tháng. Xét nhu cầu cho việc nuôi dưỡng con chung mà chị H trình bày khoảng hơn 4.000.000 đồng/ tháng thì thấy mức cấp dưỡng mà chị H yêu cầu đối với anh T là chưa phù hợp với điều kiện thu nhập và khả năng thực tế của anh T. Do vậy, Hội đồng xét xử thấy cần buộc anh T phải cấp dưỡng nuôi con chung với chị H mức 1.000.000 đồng/ tháng kể từ tháng 8 năm 2017 đến khi con chung đủ 18 tuổi là phù hợp với quy định tại Điều 110, khoản 1 Điều 116 Luật hôn nhân và gia đình.

[7] Về lãi suất chậm thi hành án: kể từ ngày có đơn đề nghị thi hành án, nếu anh T không nộp đủ số tiền cấp dưỡng nuôi con chung thì còn phải chịu lãi suất theo mức 10%/ năm đối với số tiền chậm nộp cho đến khi nộp xong theo quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự;

[8] Về chi phí giám định: do kết quả giám định đã xác định cháu Nguyễn Quang S là con chung của chị H và anh T nên anh T phải chịu toàn bộ chi phí giám định 6.000.000 đồng đã nộp theo quy định tại khoản 1 Điều 161 Bộ luật tố tụng dân sự;

[9] Về án phí: anh T phải chịu án phí thuận tình ly hôn và án phí cấp dưỡng nuôi con chung theo quy định tại khoản 4 Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự, khoản 10 Điều 27 Pháp lệnh án phí, lệ phí Tòa án và khoản 1 Điều 48 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội.

[10] Về quyền kháng cáo: các đương sự có quyền kháng cáo theo quy định tại Điều 271, khoản 1 Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự;

Kiểm sát viên phát biểu ý kiến của Viện kiểm sát về các thủ tục tố tụng và đề nghị về nội dung giải quyết vụ án là có căn cứ theo quy định;

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 3 Điều 144; khoản 4 Điều 147; khoản 1 Điều 161; Điều 271; khoản 1 Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự;

Điều 55; khoản 1, khoản 2 Điều 81; khoản 1, khoản 3 Điều 82; Điều 83; Điều 110; khoản 1 Điều 116 Luật hôn nhân và gia đình;

Khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự;

Khoản 10 Điều 27 Pháp lệnh án phí, lệ phí Tòa án;

Khoản 1 Điều 48 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội.

Xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: công nhận thuận tình ly hôn giữa anh Vũ Văn T và chị Nguyễn Thị H.

2. Về con chung: giao con chung Nguyễn Quang S, sinh ngày 24/10/2015. cho chị Nguyễn Thị H tiếp tục nuôi dưỡng. Anh Vũ Văn T có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung cùng chị H 1.000.000 đồng/ tháng (một triệu đồng) kể từ tháng 8/2017 đến khi con chung đủ 18 tuổi.

Sau khi ly hôn, anh T được quyền thăm nom con chung, không ai được cản trở anh T thực hiện quyền này.

Kể từ ngày có đơn đề nghị thi hành án, nếu anh T không nộp đủ số tiền cấp dưỡng nuôi con thì còn phải chịu lãi suất theo mức 10%/năm đối với số tiền chậm nộp cho đến khi nộp xong.

3. Về chi phí giám định: anh Vũ Văn T phải chịu 6.000.000 đồng chi phí giám định;

Xác nhận anh T đã nộp đủ chi phí giám định.

4. Về án phí: anh Vũ Văn T phải chịu 100.000 đồng án phí công nhận thuận tình ly hôn và 200.000 đồng án phí cấp dưỡng nuôi con nhưng được trừ vào số tiền 200.000 đồng đã nộp tại biên lai thu số AA/2015/0001110 ngày 07 tháng 11 năm 2016 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Tân Yên.

Anh T còn phải nộp 100.000 đồng (một trăm nghìn đồng chẵn);

Chị Nguyễn Thị H phải chịu 100.000 đồng án phí công nhận thuận tình ly hôn.

5. Về quyền kháng cáo: nguyên đơn và bị đơn có mặt có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Trường hợp quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, Điều 7a và Điều 9 Luật thi hành án dân sự;

Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi

hành án dân sự./.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Bắc Giang;
- VKSND huyện Tân Yên;
- Chi cục THADS huyện Tân Yên;
- UBND thị trấn Cao Thượng;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TOẠ PHIÊN TOÀ**

Lê Thị Ngọc Lý